

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship U8

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : Li Ang 8606870, Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960, FA Lai, Robin 6000436, FA Chuah, Jin Hai Jonathan 5700876, NA Yin Hongbin 8
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating Ø : 1060
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 7 on 2018/08/06 at 15:00

Bo.	SNo.	Name	FED	Pts	Res.	Pts	FED	Name	SNo.
1	1	Ang Ern Jie Anderson ✓	MAS	5½	1-0	4½	MGL	Tenguundalai Ganbat ✓	2
2	19	Luk Danbe Kin Tsun ✓	HKG	4½	0-1	5½	MGL	Zev Ganganbars ✓	5
3	9	Chen Ryo ✓	JPN	4½	1-0	4	CHN	Shen Sicen ✓	21
4	13	Hou Yixuan ✓	CHN	4	1-0	3½	CHN	Ni Xuehao ✓	20
5	31	Zhang Qiwan ✓	CHN	3½	0-1	3½	MGL	Enkhsuld Odbaatar ✓	3
6	29	Zhang Edmond ✓	HKG	3½	1-0	3½	THA	Samatthanan Theerath ✓	6
7	17	Liu Sixing ✓	CHN	3½	0-1	3½	CHN	Yu Yiyang ✓	28
8	11	Guo Yifei ✓	CHN	3	0-1	3½	CHN	Zhang Enming ✓	30
9	32	Zhang Yicheng	CHN	3	0-1	3	AFM	HKG Lam Chun Yung Samuel	4
10	7	Peramunetilleke Savin Kavindu	HKG	3	1-0	3	CHN	Lin Qingshi	16
11	23	Tan Darren Emmanuel Aprilio	INA	3	1-0	2½	TPE	Yang Yun-Jui	27
12	24	Tan Yi Rui Ray	SGP	2½	1-0	2½	SGP	Lim Zhe Yi Gerrard	14
13	8	Chan Tai Yuen Gabriel ✓	HKG	2	1-0	2	CHN	Guo Yiyang	12
14	25	Tang Gen	CHN	2	0-1	2	CHN	Xu Zheqing	26
15	10	Chen Siyuan B	CHN	1½	1-0	2	CHN	Zhu Minghaoyang	34
16	15	Lin Leon Brian	TPE	2	1-0	1½	CHN	Liu Zitong	18
17	33	Zhao Yifan	CHN	1	½-1/2	1	CHN	Sun Zhichen	22

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh. Teufelg. 39-47/7/9,
 Mail: h.herzog@swiss-manager.at, homepage <http://swiss-manager.at>, User: Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

wang

Ru

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 6/8/18 轮次 Round: 7 台次 Board: 1
 白方 White Anderson Ang 国籍 Federation Malaysia 等级分 Rating 1592
 黑方 Black Tengundalai 国籍 Federation Mongolia 等级分 Rating 1405
 Ganbat 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black
1	Nc3	d5
2	e4	dxe4
3	Nxe4	e6
4	Nf3	Be7
5	Bc4	Nf6
6	Ng3	Nc4
7	0-0	0-0
8	d4	e6
9	Be3	b5
10	Bb3	Nab5
11	c3	Bb7
12	Bc2	Nc4
13	Rb1	Ndb5
14	Qd3	f5
15	Bc1	Nf6
16	Qe2	Bo5
17	Bf4	Nc4
18	Be5	Ned6
19	Bxd6	Brd6
20	Rfe1	Bxg3
21	fng3	Nd6
22	Ne5	Bro2
23	Ra1	Bc5
24	Nd3	g5
25	Nc5	Qd8
26	Qh5	Nf7
27	Re3	Kg7
28	Rae1	Q5
29	dxe5	Be6
30	Nxb6	Qx6

	White	Black
31	g4	Qg6
32	Bxf5	Qxf5
33	Bxf5	Nxb
34	Bd7	Nf5
35	Rd3	Ne7
36	Red1	c5
37	Ba6	Ra7
38	Rd7	Rd7
39	Rxd7	R8
40	Ra7	Kf8
41	Rxa7	L6
42	Bd7	Rd8
43	Bx65	Rd4
44	Bf1	Nb5
45	Rb6	Nc3
46	Rxe1	Nd1
47	b4	Nf2
48	bxf5	Kc7
49	c6	N5
50	Bc4	Nf7
51	Oh	Nb6
52	Bxf8	Kxf8
53	Qf2	Kf5
54	c7	Kf4
55	cb7	Ke4
56	Qb6	Kd4
57	Kf3	K5
58	Qd7	Kh2
59	Qd8	Ka7
60	Ke4	Kh1

	White	Black
61	Kc5	Ka7
62	Qcb7	Kb8
63	Qd7	Ka8
64	Kc6	Kf8
65	Qb7#	
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018-06 轮次 Round: 7 台次 Board: 1
 白方 White Anderson Ang 国籍 Federation MAS 等级分 Rating 1592
 黑方 Black Tenguundala 国籍 Federation MGT 等级分 Rating 1405
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	Nc3	d5	31	Qg6	Bf5	61	Kd5	Ka7
2	e4	de	32	Qh5	Qf5	62	Qc6	Kb8
3	Nc4	e6	33	Qh5	Nnd6	63	Qf7	Kc8
4	Nc3	Bc7	34	Rd3	Nf5	64	Kc5	Kc8
5	Bc4	Nf6	35	Rd3	Rc7	65	Qb7	
6	Ng3	Nc6	36	Qc3	Qc5	66		
7	0-0	0-0	37	Rc3	Rc7	67		
8	d4	cb	38	Rb7	Rc7	68		
9	Bc3	b5	39	Qa7	Rd8	69		
10	Bb3	Na5	40	Ka7	Kf8	70		
11	c3	Bb7	41	Kc6	h6	71		
12	Bc2	Nc4	42	Bb7	Rc8	72		
13	Rd4	Nd5	43	Bb3	Rd1	73		
14	Qd3	f5	44	Bc7	Nb5	74		
15	Rd1	Nf6	45	Rd6	Nc5	75		
16	Qe2	Bd5	46	Rd7	Nd7	76		
17	Rf4	Nd4	47	b4	Nc6	77		
18	Bc3	Nd6	48	Be6	Kc7	78		
19	Bb6	Bd6	49	c6	Nc5	79		
20	Rc7	Bc3	50	Bf4	Nc4	80		
21	Fg	Nb6	51	g4	Nc6			
22	Nc5	Bc2	52	Bc6	Nc6			
23	Rd1	Bd5	53		Kf1			
24	Nd3		54	c7	Kf4			
25	Nc5	d8	55	Qc8	Nc4			
26	Qh4	Nf7	56	Qc6	Nc5			
27	Rc3	Kc2	57		Nc5			
28	Qc6	e3	58	Qc3	Nc6			
29	de	Bd6	59	Kc7	Kc7			
30	Nc6	Qc6	60	Kc7	Kc6			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 20180805 轮次 Round: 7 台次 Board: 2
 白方 White DanBe 国籍 Federation HKG 等级分 Rating _____
 黑方 Black ZEV 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1193

组别 Group
V8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Ab3	Ad4	61		
2	C4c	e6	32	Kpg2	1a6	62		
3	KPB	c6	33	Qf4	g6	63		
4	KPB	Cc6	34	Kpg3	Kpg7	64		
5	Cf4	Cd6	35	d1b2	1a3	65		
6	Cd6	Qd6	36	Kpg4	Qdc3	66		
7	e3	d0	37	h4	Ac1	67		
8	Ce2	b5	38	e5	1ch	68		
9	O-O	Kbd7	39	f4	h5	69		
10	Qc2	c5	40	Kpg5		70		
11	cd	Kd5	41			71		
12	dc	Kd5	42			72		
13	Ad1	Qc6	43			73		
14	Kd5	eed	44			74		
15	by	Qd4	45			75		
16	Qd4	Kd4	46			76		
17	Ad5	Kc3	47			77		
18	Ad2	Ke2	48			78		
19	Ac2	Cg4	49			79		
20	Ad2	Qc3	50			80		
21	gf	h6	51					
22	Ac1	g5	52					
23	ba	1a5	53					
24	1a6	1b8	54					
25	1b2	1g5	55					
26	Kop1	g5	56					
27	g4	h4	57					
28	1d4	b3	58					
29	1c3	1a5	59					
30	1b3	1b3	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
DanBe	ZEV

裁判 Arbiter

may



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

in 4th rd
M-14m

Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 6 August 轮次 Round: 7

台次 Board: 2

白方 White Dan Be 国籍 Federation HK 9

等级分 Rating 0

黑方 Black ZEV 国籍 Federation Mg 1

等级分 Rating 1193

组别 Group

08

结果 Result:

1-0

0-1

1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	e6
3	nc3	c6
4	h73	nf6
5	bf4	b6
6	Bx6	Qxd6
7	e3	0-0
8	Be2	b6
9	0-0	Nbd7
10	Qc2	c5
11	axd5	Nxd5
12	Jx5	Nc5
13	Rf1	Qc6
14	Nx5	exd5
15	d4	Qd5
16	Qx5	Nd5
17	Rxd5	nc5
18	Rd	Nd2
19	Rxe2	Bg5
20	Rd2	Sx3
21	QxB	h6
22	Rd1	a5
23	Bx5	Sx5
24	Rc6	Rb4
25	Rb2	Rd4+
26	Kf1	a5
27	d4	b4
28	Rc4	b3
29	Rc3	Rab
30	Rxb3	Rxb3

	White	Black
31	Rxb3	Rxd4
32	Kc2	Ra6
33	f4	g6
34	Qg3	Kg7
35	Rb2	Rb2
36	Kg4	Kc7
37	h4	Rc1
38	f5	Rc4
39	f4	N5T
40	Rg5	f6#
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Dan Be</u>	黑方 Black <u>ZEV</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 3 组别 Group: V8
 白方 White: Ryuchen 国籍 Federation: Japan 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 沈凤岩 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e6	31	Qc4	Bd5	61	c5	g4
2	d4	d5	32	Qxc4	Rd7	62	g4	Kd5
3	Nf2	d6	33	Qd5	Nd7	63	Be2	Ke6
4	Nxe4	Nc6	34	Rxd5	Rc3	64	c6	Kc6
5	Nf3	Bb6	35	Rb5	Rc8	65	c7	Ke7
6	Bd3	Nd7	36	d5	Ke8	66	c8=Q	e5
7	0-0	h6	37	Qc6	Ke9	67	b5	Rd8
8	Rd1	0-0	38	d6	Rd7	68	b6	Rd5
9	0-3	e3	39	Bc4	Nc5	69	b7	Ke9
10	Nd2	Bd7	40	Qxb6	Ne9	70	b8=Q	Kd9
11	Nc4	Nd8	41	Bc3	Qd9	71		
12	Nc3	Bxc5	42	Bc2	Qd6	72		
13	Nxe5	Nxe5	43	Bd2	Nxe6	73		
14	Rxe5	ah4	44	Bc5	Rd17	74		
15	Bd1	Qf6	45	Bf1	Ke8	75		
16	Bd2	Nd7	46	Bc4	Ne4	76		
17	Bc4	Nd6	47	Qxe6	Qxe6	77		
18	Rd1	Rc8	48	Bxe6	Rd1	78		
19	Qb3	b6	49	Kc1	Rxe1	79		
20	c4	h6	50	Kxe1	Nd6	80		
21	La4	g5	51	Rxc5	Rd6			
22	Rc2	Ne8	52	Bc4	Rb6			
23	Rd1	Ke7	53	Rb5	Rc6			
24	Bd3	Bc6	54	b3	Kd7			
25	Re5	g6	55	Rxa5	Kc6			
26			56	Rxb6	Rxa6			
27			57	Bxa6	g5			
28			58	g2	h5			
29			59	h4	h4			
30			60	c4	Kc6			

签名 Signature:
 白方 White: Ryuchen
 黑方 Black: 沈凤岩
 裁判 Arbiter: _____



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 3
 白方 White Pyo Chen 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Shen Si An 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	eu	ob	31	lqg	qcb	61		
2	dy	di	32	kg	qb	62		
3	ndz	de	33	kg	bcf	63		
4	ne4nc6		34	kg	qob	64		
5	nt6	ob	35	kg	1366	65		
6	Boz	IVbd7	36	kg	keg	66		
7	o-o	at	37	Qc6	kg	67		
8	Re1	Qd	38	db	Rf7	68		
9	C3	ts	39	Bc4	Nc3	69		
10	Ne2	Bd17	40	Qb6	Ne4	70		
11	nc6	Nd5	41	Bg3	Qh4	71		
12	Nd5	Bd3	42	Bf2	Qd	72		
13	Nd5	Nd5	43	Bd	Nd6	73		
14	Re5	Oau	44	Bc5	Rd7	74		
15	Bt1	Otb	45	BA	Bx4	75		
16	Be2	Ne7	46	NR4	Qeb	76		
17	Bb5	1us6	47	Qe6	Re6	77		
18	Re1	Re2	48	Re2	g4	78		
19	Qd1	g6	49	Re1	1c0	79		
20	+4	ab	50	Ng	Rcb	80		
21	Qd1	as	51	Re4	B3			
22	12012	nt8	52	kg	Rb3			
23	Rd1	1c7	53	b3	1c07			
24	Bd3	Bc6	54	kg	1c03			
25	Re5	g6	55	1201	Rhb			
26	Qd3	Bd5	56	Rhb	C4			
27	Q7	Re7	57	b3	g4			
28	Qd1	Ne7	58	Qd1	Qc8			
29	Re6	Rd5	59	Qd1				
30	Rb	es	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<i>R. Roche</i>	<i>沈思安</i>
裁判 Arbiter	<i>7</i>



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 4

白方 White 侯青次轩 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black 侯青浩 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	Nf3	C5
2	O-O	d6
3	Nc3	Nf6
4	Q3	Q6
5	Bd2	G6
6	d4	Cd
7	Nd4	Be7
8	Qb3	Qc7
9	O-O	O-O
10	h3	Bd7
11	Qb7	Rd7
12	Qc7	Rc7
13	b3	Rd5
14	Bd3	Rc7
15	Rd1	Re8
16	Ne4	Re8
17	Bd6	Ne4
18	Bc7	Nf2
19	Rf2	Rc7
20	1:34:03 PM	Bc5
21	e3	Q5
22	Rf7	Cd
23	Rf8	Bf8
24	Bd6	Kf8
25	Rf8	
26		
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>侯青次轩</u>	黑方 Black <u>侯青浩</u>
裁判 Arbiter <u>W</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 4 组别 Group: U8
 白方 White 侯嘉琦 国籍 Federation 中 等级分 Rating _____
 黑方 Black 阮博洋 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	Nf3	C5	31			61		
2	e4	Rd6	32			62		
3	Nc3	Nf6	33			63		
4	g3	a6	34			64		
5	Bg7	e6	35			65		
6	d4	cd	36			66		
7	Nb7	Qb7	37			67		
8	Qb3	Qc7	38			68		
9	0-0	0-0	39			69		
10	h6	Be7	40			70		
11	Qb7	Ra7	41			71		
12	Qc7	Rc7	42			72		
13	b3	Rc5	43			73		
14	Bh3	Rc7	44			74		
15	Ra1	Rc8	45			75		
16	Ne5	Rc8	46			76		
17	Be6	Ne4	47			77		
18	Bc7	Nf2	48			78		
19	Rf2	Brc7	49			79		
20	Rc1	Bc5	50			80		
21	e3	e6	51					
22	Rf7	ed	52					
23	Rf8	Rb8	53					
24	Bd5	Kb8	54					
25	Rf8		55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:
 白方 White 侯嘉琦 黑方 Black 阮博洋
 裁判 Arbiter Wang



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 5
 白方 White 孙昕望 国籍 Federation China 等级分 Rating 0.
 黑方 Black EMNKBSUW 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	P4	C6
2	J4	Q5
3	MC3	J0
4	M04	7F5
5	MG3	7G6
6	B4	66
7	7F3	MJ7
8	h5	7h7
9	7d3	7h3
10	5d3	e6
11	7d2	MG66
12	0-0-0	7e7
13	H67	0-0
14	7c7	C5
15	553	5c7
16	8c	7c5
17	5c4	7h18
18	5e2	A5
19	7d4	A4
20	M65	5c4
21	7c3	A3
22	53	A5
23	752	7A4
24	502	752
25	H52	M65
26	Mj5	7e5
27	7e5	5d5
28	553	5e5
29	HL4	5G3
30	7P17	5F4

	White	Black
31	H67	564
32	554	7h7
33	7P12	7P18
34	M62	M48
35	H63	7c5
36	H64	66
37	A4	H08
38	7PA7	7PC73
39	H65	7e5
40	C4	7PC5
41	H64	7PA5
42	7P57	7P12
43	G4	7P12
44	A5	5A
45	M45	7PA2
46	H65	7P12
47	H66	7P17
48	M67	M17
49	H46	H66
50	M45	H65
51	H44	H64
52	H42	7d4
53	PA2	H63
54	H67	H12
55	H42	7d4
56	M43	F5
57	G4	6F
58	H64	G5
59	H04	M45
60	H05	F4

	White	Black
61	M45	h4
62	MG5	h3 h3
63	M64	h2
64	M04	h55
65	H05	5F3
66	M65	5d5
67	MG4	5e5
68	H63	H13
69	H62	F3
70	H63	5F4
71	H62	H02
72	M67	5G4
73	M62	H62
74	H67	5h3
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 5
 白方 White: 张欣宇 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: ENKASUI 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c6	31	Kh1	Rd8	61	Ke5	f4
2	d4	d5	32	Rd8	Bh4	62	Ke5	h4
3	Nf3	d6	33	Rd8	Rb8	63	Kg3	h3
4	Nf4	Bf5	34	Kb2	Kf8	64	Kf5	h2
5	Ng3	Bg6	35	Kb3	Bc5	65	Ke4	h1e0
6	h4	h5	36	Kc4	b6	66	Ke5	af3
7	Nf3	Nd7	37	a4	b6	67	Kf5	af5
8	h5	Bh7	38	Ra7	Rc8	68	Kg4	de5
9	Bd7	Bb3	39	Kb5	Bep3	69	Kf3	Kb3
10	Rd8	ef	40	cf5	Rc5	70	Kg2	f3
11	Bd7	Ng16	41	Kb4	Bh5	71	Kf3	f4
12	2-0-0	Be7	42	Rb7	Ki2	72	Kg2	Ke2
13	Kb1	a6	43	94	Rf2	73	Kh1	Qg4
14	Bcl	cf	44	a5	ba	74	Kh2	Kf2
15	Qb3	Qc7	45	Ka5	Ra2	75	Kh1	ah3#
16	d4	N5	46	Kb5	Rb2	76		
17	Qc4	Rd8	47	Kc6	Kb7	77		
18	Qe2	a5	48	Kb7	Kd7	78		
19	Nf4	a4	49	Ka6	Kc6	79		
20	Nf5	Qb6	50	Ka5	Kc5	80		
21	Nc3	a3	51	Ka3	Kcl			
22	f3	a2	52	Ka3	Bd4			
23	Bb2	Nf4	53	Ka2	Kc3			
24	Qe5	Nb2	54	Kb1	Ka2			
25	Kb2	Nf5	55	Ka2	Kc2			
26	Nf5	Rd5	56	Ka3	f5			
27	Ra5	Qc5	57	g4	e4			
28	Qb3	Qe5	58	Kb4	g5			
29	Ke1	Qg3	59	Kc4	Be3			
30	Kd1	Qf4	60	Kd5	h5			

签名 Signature:
 白方 White: 张欣宇
 黑方 Black: ENKASUI
 裁判 Arbiter: _____



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: ∞ 轮次 Round: 7 台次 Board: 6
 白方 White [Signature] 国籍 Federation ∞ 等级分 Rating ∞
 黑方 Black [Signature] 国籍 Federation ∞ 等级分 Rating ∞
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
U8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4 1.30	c5 1.30	31	Bb4 1.10	Nh4 3.32	61		
2	Nc3 1.31	d6 1.30	32	Rf3	Nf4 3.1	62		
3	d4 1.31	cx d4 1.30	33	Qf2 1.10	Bh6 3.2	63		
4	Nxd4 1.32	Nf6 1.30	34	Nb3 1.09	Qe6 3.2	64		
5	Nc3 1.32	g6 1.30	35	Qx7 1.10	Kh8 3.1	65		
6	Be3 1.33	Bg7 1.30	36	Na5 1.01	Rc8 3.2	66		
7	f3 1.33	0-0 1.30	37	Qb6	B4	67		
8	Qd2 1.33	Nc8 1.30	38	Qxd8	Qf7 4.0	68		
9	g4 1.34	Bd7 1.10	39	Ry f1	Qg8 3.1	69		
10	Q0-0 1.34	Rc8 1.10	40	ae7	Qh7 3.1	70		
11	h4 1.34	h5 1.10	41	Rd1	Qh9 4.6	71		
12	gxb5 1.34	Nxh5 1.10	42	Qxf1	Qe2	72		
13	Ry1 1.33	Kh7 1.10	43	Qd7	Rd7 3.1	73		
14	Be2 1.32	Nc5 1.09/09	44	Nxc8	Rxf4	74		
15	f4 1.32	Nc4 1.10/10	45	Rxf4	Qd1	75		
16	1-32 Bxc4	Rxc4 1.10	46	Bss		76		
17	Qe2 1.30	Rc8 1.38	47			77		
18	f5 1.28	Rxc3 0.45	48			78		
19	bxc3 1.29	Qd5 0.48	49			79		
20	kb2 1.20	b5 0.47	50			80		
21	q3 1.24	Rc8 0.46	51					
22	Rd3 1.23	Nf6 0.44	52					
23	Nb3 1.22	Qb6 0.43	53					
24	fxg6 1.11	fxg6 0.44	54					
25	Bd4 1.18	a5 0.41	55					
26	Qs2 1.16	Be8 0.42	56					
27	Rg3 1.12	e5 0.31	57					
28	Bb6 1.10	Qf7 3.3	58					
29	Bxa5 1.10	Rc4 3.3	59					
30	Nd2 1.10	Rc6 3.2	60					

签名 Signature:

白方 White <u>[Signature]</u> Zhang Edmond	黑方 Black <u>[Signature]</u> Thurwath
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 6 组别 Group: U8

白方 White Zhang Edmond 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Wu 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Bb4	Nh5	61		
2	Nf3	d6	32	Rf3	Nf4	62		
3	d4	cd	33	d4	Bh6	63		
4	Nd4	Nf6	34	Nb3	Qe6	64		
5	Nc3	g6	35	Qg7	Leh8	65		
6	Be3	Bg7	36	Nas	Rc8	66		
7	f3	g0	37	Qb6	Bg7	67		
8	Qd2	Nc6	38	Qdb	Qf7	68		
9	Q4	B17	39	Rg1	Qe5	69		
10	Qd6	Rc8	40	Qe7	Qh7	70		
11	h4	h5	41	Rd1	Rh5	71		
12	gh	Nh5	42	Rf1	Qe7	72		
13	R91	Kh7	43	Qb7	Rc4	73		
14	Be2	Ne5	44	M4	bc	74		
15	f4	Nd4	45	Rf4	Qd1	75		
16	Bc4	Rc4	46	Bf6	Qf	76		
17	Qe2	Rc8	47	Qg7		77		
18	f5	Rc3	48			78		
19	bc	Qa5	49			79		
20	Kb3	b5	50			80		
21	Q3	Rc8	51					
22	Rd3	Nf6	52					
23	Nb3	Qc7	53					
24	f9	f9	54					
25	B4	Q5	55					
26	Qg2	Bg8	56					
27	Rg3	e5	57					
28	Bb6	Qf7	58					
29	Bx5	Rc4	59					
30	Nd2	Rd6	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Zhang Edmond	Wu

裁判 Arbiter

Wang



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016-8-6 轮次 Round: 7 台次 Board: 7
 白方 White: Liu Xin 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: -
 黑方 Black: Yu Yiyang 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: -

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	Nf6
2	c4	e6
3	Nc3	Bb4
4	Nf3	d5
5	e3	Nx4 Nxe4
6	Bd2	c5
7	cd	cd
8	ed	Nc3
9	Bc3	Bc3
10	bc	ed
11	Bd3	Nd3
12	Qe2	Bg2 Bg4
13	Qe2	Qe7
14	Qd	Qd
15	Re1	Re1
16	h3	Bb3
17	Qb3	Qd7
18	c4	Bd6
19	Bc4	Bc4 Nxd4
20	Qd1	Re1
21	Qe1	Nc2
22	Qc3	Nxd4
23	Qd1	h6
24	Be2	Re8
25	Bf3	Qe7
26	Kf1	b2
27	g3	Qa5
28	Bd	Kg2
29	Re1	Qb2
30	Qf1 Qe3	Kf3 Kf3

	White	Black
31	Qe3	Q-Kg2
32	Qd5	Bf3
33	Bd3	Qb4
34	Qf1	Kh2
35	Qg1	
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black
裁判 Arbiter 	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 7

白方 White Liu Si Xing 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Yu Jiyang 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	Nf6	31	Qf1	Kf3	61		
2	K4	e6	32	Kg2	Qd5	62		
3	Nc3	Bd4	33	Bf3	Qd3	63		
4	Nf3	d5	34	Qb4	Kh2	64		
5	e3	Ne4	35	Qg1#		65		
6	Bd2	c5	36			66		
7	cd	cd	37			67		
8	ed	Nc3	38			68		
9	Bc3	Bc3	39			69		
10	bc	ed	40			70		
11	Bd3	Nc6	41			71		
12	Qc2	Bg4	42			72		
13	Qe2	Qe2	43			73		
14	o-o	o-o	44			74		
15	Re1	Re8	45			75		
16	h3	Bf3	46			76		
17	Qf3	Qd7	47			77		
18	c4	cd	48			78		
19	Bc4	Nd4	49			79		
20	Qd1	Re1	50			80		
21	Qe1	Nc2	51					
22	Qc3	Nd1	52					
23	Qd1	h6	53					
24	Be2	Re8	54					
25	Bf3	Qd7	55					
26	Kf1	b6	56					
27	g3	Qd3	57					
28	Bd1	Qd3	58					
29	Kg2	Re1	59					
30	Qb2	Qd3	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 8
 白方 White: 郭亦斐 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 张恩铭 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c6
2	d4	d5
3	NC3	dx4
4	Nxe4	Bf5
5	NC3	Nf6
6	Nf3	e6
7	Be3	Be7
8	Bd3	Bxd3
9	Qxd3	0-0
10	0-0	N6d7
11	a3	c5
12	dx5	Nxc5
13	Bxc5	Bxc5
14	Qxd8	Rfxd8
15	Rd1	Rac8
16	Na4	Be7
17	c3	g5
18	Rxd8+	Rxd8
19	Ne5	fxa4
20	Ng6	Rd7
21	h3	Bc5
22	g4	ax(acep)
23	a4	b2
24	R61	Ba3
25	Ng5	Rc7
26	c4	Ne4
27	Ng3	Nc3
28	Rxb2	Bxb2
29	Nd2	Nxa4
30	Kf1	Bc1

	White	Black
31	Ne4	Rxc4
32	Nd6	Rc2
33	Ke1	NC3
34	NC4	Bh6
35	g4	Rc1#
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>郭亦斐</u>	<u>张恩铭</u>
裁判 Arbiter	
<u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 8
 白方 White 郭亦斐 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 黑方 Black 张恩铭 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c6
2	d4	d5
3	Nc3	de
4	e4	Bf5
5	Nc3	Nf6
6	Nf3	e6
7	Be3	Be7
8	Bd3	Bd3
9	Qd3	00
10	00	Nb6
11	Q3	c5
12	dc	N4
13	Qc5	Bc5
14	Qd8	Rf8
15	Rod1	Rac8
16	Nd4	Be7
17	c3	b5
18	Rd8	Rd8
19	Ne5	Qd7
20	Nc6	Rd7
21	h3	Bc5
22	b4	ab
23	d4	h2
24	Rb1	Ba6
25	Na5	Rc7
26	c4	Ne4
27	Rb3	Nc6
28	Rb2	Bb2
29	Nd2	Nd4
30	Kf1	Bc1

	White	Black
31	Ne4	Rc4
32	Nd6	Rc2
33	Kc1	Nc3
34	Nc4	Bb6
35	g4	Rc8
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>郭亦斐</u>	<u>张恩铭</u>
裁判 Arbiter	
<u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 9
 白方 White 张子斌 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Lam Chun Yung Samuel 国籍 Federation HKG 等级分 Rating 1295

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	n6
3	Nf3	Nf6
4	Nt3	pl
5	Ng5	e6
6	e1	Be7
7	Bc4	0-6
8	0-0	Bb6
9	Nf5	Bb7
10	Bb5	Nc5
11	Qe1	Qd1
12	Qd1	Nf5
13	Bc2	Nf5
14	Rc1	Nf5
15	Nf5	Bb5
16	A1	ic
17	Be2	+
18	f3	g+
19	Rc1	Rf7
20	Rf1	kt
21	g3	Rb8
22	Rd1	kt
23	kt1	e+
24	ke1	f5
25	Rd2	h5
26	+	l5
27	kt	ke6
28	e4	te
29	tc	Rf9
30	ke3	Bc6

	White	Black
31	Bb4	ke7
32	Bf5	ke4
33	Rc2	Bf5
34	Rc3	h5
35	Rk	ke6
36	B3	ke5
37	ke3	Rb8
38	Bg4	ke5
39	Bf1	Bf4
40	A7	ke
41	Rc4	Rc4
42	Bc	ke4
43	ke2	ke4
44	Bf1	ke3
45	hh	Bg3
46	Bf3	ke3
47	g4	Bf3
48	kt3	ke4
49	h4	ke4
50	g5	h9
51	h5	g4
52	kt	ke4
53	h6	Bf5
54	kt	Bh7
55	ke4	ke3
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>张子斌</u>	黑方 Black <u>Samuel</u>
------------------------	---------------------------

裁判 Arbiter
[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship

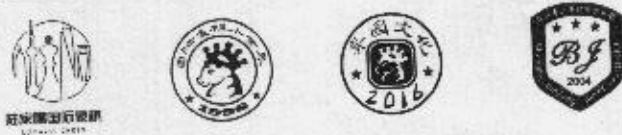


日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 9
 白方 White 张毅斌 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Lam Chun Hei Samuel 国籍 Federation HKG 等级分 Rating 1295
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
48

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Bg4	Kf7	61		
2	c4	Nc6	32	Bxf3	c4	62		
3	Nc3	Nf6	33	Rc2	b3	63		
4	Nf3	dxcl	34	Rc3	a5	64		
5	Bg5	e6	35	Kd2	Kd6	65		
6	e6 e3	Be7	36	b3	Kc5	66		
7	Bxc4	0-0	37	Ke3	Rd8	67		
8	0-0	b6	38	Bg4	Rd4	68		
9	Ne5	Bg7	39	Bf3	g4	69		
10	Bb5	Nxe5	40	axb4	axb4	70		
11	dxcl	Qxd1	41	Rxc4+ Rxc4		71		
12	Raxcl	Nd5	42	bxc4	Kxc4	72		
13	Bxe7	Nxe7	43	Bd1	Kc3	73		
14	Rd7	Nd5	44	B b3	b3	74		
15	Nxd5	Bxb3	45	Bxb3	Kxb3	75		
16	a3	c6	46	g4	Bd7	76		
17	Be2	f6	47	Kf3	Kc4	77		
18	exf6	gxf6	48	h4	Kd3	78		
19	Qcl	df7	49	g5	hxg5	79		
20	R Kf7	Kxf7	50	h5	g4+	80		
21	g3	Rd8	51	Kg3	Kxc4			
22	Rd1	Ke7	52	h6	B Bf5			
23	Kf1	e5	53	h7	Bxb7			
24	Kcl	P5	54	Kg4	Kd3			
25	Rd2	h6	55	K				
26	f3	c5	56					
27	Kf2	Ke6	57					
28	e4	Axe4	58					
29	fxc4	Rf8+	59					
30	Kc3	Bc6	60					

签名 Signature:
 白方 White 张毅斌 黑方 Black Samuel
 裁判 Arbiter R



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 6/18/18 轮次 Round: 7 台次 Board: 10
 白方 White Savin 国籍 Federation HKG 等级分 Rating 1040
 黑方 Black 林青实 国籍 Federation 中国 等级分 Rating

组别 Group
18

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nf6
3	Nxe5	d6
4	Nf3	Nxe4
5	d4	Bc2
6	Be3	O-O
7	Bd3	f4
8	Bxe4	fxc6
9	Nfd2	d5
10	Nc3	Lb6
11	Qe2	d5
12	O-O	Bc6
13	F3	dxc3
14	Rxf3	Rxf3
15	Qxf3	Nd7
16	Rf1	Re7
17	c3	Nc1
18	Qg3	Rxf1
19	Nxf1	Bxc3
20	Qxc3	Qf3
21	Nb3	g4
22	Ng5	Nd3
23	Nxb2	Nc4
24	Qc5	Nxb2
25	Qxc3	Nc5
26	Nd8	Qxc6
27	Qxe6	Nxe6
28	Qxc3	Nxc3
29	g3	Nd5
30	Nc5	Nxg3

	White	Black
31	Nxa4	d4
32	Kf7	Kf7
33	Kf1	Ke6
34	Ke5	Nb5
35	Nc6	f4
36	Nb3	Kc6
37	Nxg4	Nxg4
38	Kxg4	Kf5
39	Re3	Kf5
40	Kf3	g4
41	Kg3	Kh5
42	Ne3	h4
43	h4	Kg6
44	Kc4	Kf6
45	Nf1	Kg6
46	Ng3	Kh6
47	Kf5	kg2
48	Nxb5	Kh6
49	Kxg4	kg6
50	Nf4	Kh3
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Savin</u>	黑方 Black <u>林青实</u>
裁判 Arbiter <u>R</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date:

轮次 Round:

台次 Board: 10

组别 Group

白方 White

Savin

国籍 Federation

HKG

等级分 Rating

1044

48

黑方 Black

林青实

国籍 Federation

中国

等级分 Rating

结果 Result:

1-0

0-1

1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	林青实	e5	31	a3	Nb5	61		
2	Nf3	Nf6	32	Nc5	Na3	62		
3	Ne4	d6	33	Na4	d4	63		
4	Nf3	Ne4	34	Kf2	Kf7	64		
5	d4	Be7	35	Kf3	Ke6	65		
6	Be3	O-O	36	Ke4	Nb5	66		
7	Bd3	f5	37	Nc5	Kd6	67		
8	Be4	fe	38	Nb3	Ke6	68		
9	Nd2	d5	39	Ne4	Ne4	69		
10	Nc3	cb	40	Ke4	Kf5	70		
11	Qe2	a5	41	Ke3	b4	71		
12	O-O	Be6	42	Kf3	Q4	72		
13	f3	eF	43	Kg3	Kg6	73		
14	Rf3	Rf3	44	Ne3	h5	74		
15	Qf3	Nd7	45	h4	Kg6	75		
16	Rf1	Bf6	46	Kf4	Kf6	76		
17	Ne2	Qe7	47	Nf1	Kg6	77		
18	c3	Rf8	48	Ng3	Kh6	78		
19	Nc1	Bd4	49	Kf5	Bg7	79		
20	Qg3	Qff1	50	Kh6	Kg4	80		
21	Nf1	Be3	51	Kg6	Nf4			
22	Qe3	Qf6	52	K				
23	Nb3	a4	53					
24	Na5	Ne5	54					
25	Nb7	Nc5	55					
26	Qc5	Nb2	56					
27	Qc6	hb	57					
28	Nc5	Ne1	58					
29	Qe6	Qe0	59					
30	Ne6	Nc3	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Savin	林青实
裁判 Arbiter	
[Signature]	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 06/08/18 轮次 Round: 7 台次 Board: 11

白方 White: Darren 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

黑方 Black: 楊的 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group: U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bc5
4	c3	Nf5
5	d4	e5xd4
6	c3xd4	Bb4+
7	Bd2	BxBd2+
8	Nb1xBb2	O-O
9	O-O	d5
10	e4xd5	Nxd5
11	Qb3	Nb6
12	Qc3	Na7
13	Qb3	Nb6
14	Qd3	Nfbc4
15	NxBc4	Nb4
16	Qd2	Na6
17	Rfe1	Be6
18	Ne3	Re8
19	Kk1	Bd5
20	Rg1	BxNf3
21	g2xBf3	c5
22	Nf5	g6
23	Qh6	Qf6
24	Rg6	Rad8
25	Rag1	Qb5
26	h4	Re6
27	d5	Rxd5
28	Ne7+	RxNe7
29	RxRd5	Re8
30	Kh2	Qg7

	White	Black
31	QxQg7+	KrQg7
32	Rd7	Rb8
33	h5	Nb4
34	L5g6	h7g6
35	g7	Nc6
36	f4	Nd4
37	Rc1	Nf3+
38	Kg3	Nd4
39	Rxc5	Ne2+
40	Kf3	Qalt
41	Ke4	Rg2+
42	Kd5	b6
43	Rcc7	Re2
44	Rxf7+	Kg8
45	Rxa7	Rd2+
46	Ke3	Re2+
47	Kf3	Rxf2
48	Ralt#	
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Darren</u>	黑方 Black <u>楊的</u>
---------------------------	-----------------------

裁判 Arbiter R



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/6 轮次 Round: 7 台次 Board: 11
 白方 White Daffen F 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 杨明 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bc5
4	c3	Nf6
5	d4	exd4
6	cxd4	Bb4+
7	Bd2	Bxd2+
8	N1xd2	0-0
9	0-0	d5
10	exd5	Nxd5
11	Qd3 Qb3	Nb6
12	Qc3	Na4
13	Qb3	Nb6
14	Qd3	Nxc4
15	Nxc4	Nb4
16	Qd2	Na6
17	Re1	Be6
18	Ne3	Ke8
19	Ke8 Kh1	Bd5
20	Rd4	Bxf3
21	gxf3	c5
22	Nt5	g3
23	Qh6	Qf6
24	Rg5	Rd8
25	Rh1	a6
26	h4	Re6
27	d5	Rxd5
28	Ne2Nc	Rxe7
29	Rxd5	Re8K
30	Kh2	Qg7

	White	Black
31	Qxg7	Kxg7
32	Rd7	Rb8
33	h5	Nb4
34	hxg6	hxg6
35	a3	Nc6
36	f4	Nd5
37	Rc1	Nf3+
38	Kg3	Nd5
39	Rxc4	Ne2
40	Kf3	Ng1
41	Ke4 Ke4	Re3+
42	Kd4 Kd5	h6b6
43	Rc7	Rf8Re2
44	Rxf7+	Kg8
45	Rxa7	Rd2+
46	Ke6	Re2+
47	Kf6	Rxf2
48	Ra8#	
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Daffen F</u>	黑方 Black <u>杨明</u>
裁判 Arbiter <u>Reh</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 6/8/16 轮次 Round: 7 台次 Board: 12
 白方 White Ray Tan 国籍 Federation SGP 等级分 Rating 0
 黑方 Black Gerrard Lim 国籍 Federation SGP 等级分 Rating 0

组别 Group
U8M

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	d5	31	g4	Kg7 Kg7	61	Qf6	Kg3
2	exd5	Nf6	32	Kg3	Kf6 Kf6	62	Qf5	Kg2
3	Nf3	Nxd5	33	Kf2	Ke5	63	Qf4 Qf4	Kg1
4	d4	Bg4	34	Rd7	f5	64	Qf3	Kh2
5	h3	Bh5	35	Rf7	fxg4	65	Qg4	Kh1
6	Be2	e6	36	hxg4	Rb8 Rb8	66	Ke6	Kb2
7	Bd2 Bd2	Be7	37	Rf5	Ke6	67	Kf4 Kf4	Kh1
8	Nc3	Nf6	38	Ke2	Rd8 Rd8	68	Kf4	Kb2
9	Bf4	O-O	39	Rf1	Rd3	69	Kf3	Kb1
10	O-O	Nc6	40	Rh1 Rh1	Ke5	70	Qg7#	
11	Be3	Re8	41	Rxb6	Rd5	71		
12	Ql2	Bb4	42	Rg6	Rb5	72		
13	Ng5	Bxe2	43	Rxg5	Kf6	73		
14	Qxe2	h6	44	Rxb5	axb5	74		
15	Nf3	Qe1	45	Kf2	Kg5	75		
16	Q3	Bd6	46	Kg3	b6	76		
17	Nb5 Nb5	ab	47	b3	Kf6	77		
18	Nxd6	axd6	48	Kf4	Kg6	78		
19	e3	e5	49	Kxe4	Kg5	79		
20	dxe5	dxe5	50	Kd5	Kxg4	80		
21	Rd1 Rd1	e4	51	e4	Kf4			
22	Nd5	Nxd4	52	e5 e5	Kf5			
23	Rd4	Rad8	53	Kd6	Kg6			
24	Rad1	Rd4	54	e6	Kf6			
25	Rxd4	Qa6	55	e7	b4 b4			
26	Qc4	Qxc4	56	axbf	Rf7			
27	Rxc4	Nd5	57	Kd7	Kf6			
28	Rd4	Nxe3	58	e8=Q	b5			
29	fxe3	Kf8	59	Qe6	Kg5			
30	Kf2	g5	60	Qf7	Kg4			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>Ray Tan</u>	<u>Gerrard</u>
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8-6 轮次 Round: 7 台次 Board: 12
 白方 White Ray Tan 国籍 Federation Singapore 等级分 Rating 0
 黑方 Black Gerrard Lim 国籍 Federation Singapore 等级分 Rating 0
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U8

	White	Black
1	e4	d5
2	ed5	Nf6
3	Nf3	Nd5
4	d4	Bg4
5	h3	Bh5
6	Be2	e6
7	Bd2	Be7
8	Nc3	Ndf6
9	Bf4	O-O
10	a-o	Be3
11	Rc8	Qd2
12	Bb4	Nd5
13	Be2	Qe2
14	h6	Nf3
15		Qd7
16	a3	Be3
17	Nd5	ab
18	Nd6	cd6
19	c3	e5
20	Qd5	d6
21	Rfd1	c4
22	Nd4	Nd4
23	Rd4	Rad8
24	Rad1	Rd4
25	Rd4	Qe6
26	Qc4	Qc4
27	Rc4	Nd5
28	Rd4	Nd3
29	fe3	Kf8
30	Kf2	g5

	White	Black
31	g4	Kg7
32	Kg3	Kf6
33	Kf2	Kc5
34	Rd7	Rf7
35	h94	h94
36	Rb8	Rf5+
37	Kc6	Ke2
38	Rbd8	R5f1
39	Rd3	Rth1
40	Ke5	
41	Rh6	Rd5
42	Rg6	Rb5
43	Rd5+	Kf6
44	Rb5	ab5
45	Kf2	Kg5
46	Kg3	b6
47	ab3	Kf1
48	Kf4	Kg6
49	Ke4	Kd5
50	Kd5	Kd4
51	e4	Kf4
52	e5	Kf5
53	Kd6	Kg6
54	e6	Kf6
55	e7	b4
56	ab4	Kd7
57	Kd7	Kf6
58	e8	b5
59	Qe7+	Kg5
60	Qf7	Kg4

	White	Black
61	Qf6	Kg3
62	Qf5	Kg2
63	Qf4	Kg1
64	Qf3	Kh2
65	Qg4	Kh1
66	Ke6	Kh2
67	Kf5	Kh1
68	Kf4	Kh2
69	Kf3	Kh1
70	Qg2#	
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Ray Tan</u>	黑方 Black <u>Gerrard</u>
----------------------------	----------------------------

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 6.8.18 轮次 Round: 7 台次 Board: 13

白方 White Gabriel 国籍 Federation Hong Kong 等级分 Rating 0

黑方 Black Guo yixing 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group
U8

结果 Result: 0-1 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	exd5	exd5
4	c4	Nf6
5	Nc3	c5
6	cx d5	Nxd5
7	Bc4	Mxc3
8	h xc3	cx d4
9	cx d4	Be7
10	h3	0-0
11	Nf3	Bb4#
12	Bd2	Re8+
13	Be2	Bxdet
14	Qxd2	Nc6
15	0-0	Bf5
16	Rfe1	h6
17	Bc4	Qd7
18	Bb5	a5
19	Bxa6	Qxc6
20	Qf4	Be4
21	Ne5	Qc3
22	Qxe4	f6
23	Qd5+	Fh7
24	Nf3	Rab8
25	Qf5+	Kg8
26	Kf1	Qc4+
27	kg1	Qc3
28	Qd6	Red8
29	Rac1	Qb8
30	Rb1	Qc4

	White	Black
31	Re7	Kf8
32	Qxg7#	
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Gabriel</u>	黑方 Black <u>郭逸馨</u>
----------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 13 组别 Group: U8

白方 White 曹文洋 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black 郭文洋 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	ed	ed
4	Cf4	Nf6
5	Nc3	C5
6	.cd6	Nd5
7	Bc4	Nf3
8	bc	cd
9	cd	Be7
10	h3	0-0
11	Nf3	Bb4
12	Bd2	Re8
13	Be2	Bd2
14	Qd7	Nc3
15	0-0	Bf5
16	Re1	h6
17	Bc4	Qd7
18	Bb5	ab
19	Bc6	Qc6
20	Qf4	Be4
21	Ne5	Qc3
22	Ne5	f6
23	Qd4	Kh2
24	Nb3 Nb3	Rb8
25	Qf5	Ko8
26	Kf1	Qc4
27	Ko1	Qc3
28	Qg3	Rd8
29	Ra8 Ra8	Qb4
30	Rb1	Qc4

	White	Black
31	Re7	Kf8
32	Qg7	
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>曹文洋</u>	黑方 Black <u>郭文洋</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

W



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 14

组别 Group
U8

白方 White Tang gen 国籍 Federation china 等级分 Rating 2

黑方 Black 徐浙峰 国籍 Federation china 等级分 Rating 2

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	Qd4	c5	31	Kc3	Rc3	61		
2	Nf3	d6	32	Kd3	Rc2	62		
3	d4	d4	33	Ke4	Rc2	63		
4	Nd4	Nf6	34	Kc3	d5	64		
5	Nc3	a6	35	d4	d4	65		
6	Bg5	e5	36	Kc4	d3	66		
7	Nf3	Rc6	37	b5	a6	67		
8	Qd2	Bc7	38	a6	Rd8	68		
9	a-a0	Nbd7	39	b6	d2	69		
10	Bf6	Nf6	40	b7	Rd1	70		
11	Ng5	Qd7	41	Kd3	d1=Q	71		
12	Bd3	b5	42	Kc3	Rc2#	72		
13	Nf3	b5	43			73		
14	Bd2	b3	44			74		
15	Nd5	Rd5	45			75		
16	d5	Nc4	46			76		
17	Qe1	O-O	47			77		
18	Bd3	Nc5	48			78		
19	Qb4	Nd3	49			79		
20	Rd3	Rf6	50			80		
21	Qd2	e4	51					
22	Re2	f3	52					
23	Rf3	Bc3	53					
24	Qe2	Qb7	54					
25	b3	Qe5	55					
26	f3	Kc1	56					
27	Rd1	Qd1	57					
28	Kd1	Ke3	58					
29	Kd2	Rc4	59					
30	d4	Rd2	60					

签名 Signature:

白方 White <u>Tang gen</u>	黑方 Black <u>徐</u>
裁判 Arbiter <u>A</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 07 台次 Board: 14
 白方 White Tang gen 国籍 Federation china 等级分 Rating 2
 黑方 Black 符 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	c5
2		Nf3
3	d4	cd
4		Nf4
5	Nc3	ab
6		Bg5
7	Nf3	Be6
8		Qd2
9	0-0-0	Nbd7
10		Bf6
11	Nf5	Qd7
12		Be6
13	Nf3	b5
14		Qd2
15	Bd5	Ne4
16		Qe1
17	Nc5	Qb5
18		Nd3
19	Rb8	Qd2
20		Q4
21	ef	Rf3
22		Bg5
23	Be3	Qe3
24		Qb1
25	Qd4	f3
26		Rf8
27	Qd1	Kd1
28		Re3
29	Rbe3	a4
30		Re2

	White	Black
31	Rc8	Kd3
32		Rc2
33	Rd2	Re3
34		d5
35	Kc4	d3
36		b5
37	ab	Rd1
38		bb
39	b7	Rb1
40		Kc3
41	Kg3	Rc2
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>唐根</u>	黑方 Black <u>符</u>
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 15

白方 White Tiger 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black 朱明浩洋 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31			61		
2	Nc3	Nf6	32			62		
3	Nf3	Ne4	33			63		
4	Ne5	Qe7	34			64		
5	Bf7	Kd8	35			65		
6	O-O	Qe5	36			66		
7	Bc3	e4	37			67		
8	h3	d6	38			68		
9	d3	Bd7	39			69		
10	Bg5	Mg5	40			70		
11	f4	Ne4	41			71		
12	Ke	Bd7	42			72		
13	e5	Nce7	43			73		
14	eD	CD	44			74		
15	f5	Bf5	45			75		
16	Kf5	Ne7	46			76		
17	Kf1	Rc8	47			77		
18	Be6	Kc6	48			78		
19	Nd2	Kc7	49			79		
20	Nc4	Kd8	50			80		
21	Bd7	Rc4	51					
22	Bb5	Rb4	52					
23	Qd6	Kc5	53					
24	Qb4	Nd5	54					
25	Qc4	Kd8	55					
26	Qd5	Kc8	56					
27	Qd7	Kb8	57					
28	Qd8		58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White <u>Tiger</u>	黑方 Black <u>朱明浩洋</u>
裁判 Arbiter <u>[Signature]</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 7 台次 Board: 15
 白方 White Tiger 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 朱明浩洋 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31			61		
2	Bc4	Nf6	32			62		
3	Nf3	Nc4	33			63		
4	Ne5	Qe7	34			64		
5	Bb7	Rd8	35			65		
6	O-O	Qe5	36			66		
7	Bb3	Qg5	37			67		
8	N3	d6	38			68		
9	d3	Bh3	39			69		
10	Bg5	Ng5	40			70		
11	A7	Ne4	41			71		
12	de	Be7	42			72		
13	e4	Nc6	43			73		
14	Rd	cd	44			74		
15	R5	Bf5	45			75		
16	Rf5	Ne7	46			76		
17	Rf1	Rc8	47			77		
18	Be6	Rc6	48			78		
19	Nd2	Rc7	49			79		
20	Nc4	Kb8	50			80		
21	Bd7	Rc4	51					
22	Bb5	Rb4	52					
23	Qd6	Kg8	53					
24	Qb4	Nd5	54					
25	Qc4	Kd8	55					
26	Qd5	Kc8	56					
27	Qd7	Kb8	57					
28	Qd8#		58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White <u>Tiger</u>	黑方 Black <u>朱明浩洋</u>
--------------------------	-------------------------

裁判 Arbiter
[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2019.8.6. 轮次 Round: 7 台次 Board: 16
 白方 White 林敬軒 国籍 Federation 等级分 Rating
 黑方 Black 文子翊 国籍 Federation 等级分 Rating

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	f4	ke8	61		
2	Nf3	Nc6	32	f5	gxfs	62		
3	Bc4	Bc5	33	Bxb7	kg7	63		
4	c3	Nf6	34	Bxf8	Kc6	64		
5	d4	d6	35	h4	Kd5	65		
6	dxc5	dxc5	36	g4		66		
7	Qxd8+	Nxd8	37	Kd6	g5	67		
8	Nxe5	O-O	38	hxg5	h5	68		
9	O-O	Nxe4	39	Ke7	h6	69		
10	Nd2	Nxd2	40	Kf8	h7	70		
11	Bxd2	Re1	41	Kg7	h8=Q	71		
12	Nc6	Nxc6	42	Kd6	Qe5	72		
13	bxg6	Be3	43	Kxc6	Qe5	73		
14	g6	Rb8	44	Kd7	Qxa4	74		
15	ibxc5	Rd8	45	Kc6	b4	75		
16	b3	Bf5	46			76		
17	Re7	Rd2	47			77		
18	Rxf7	Rbd8	48			78		
19	Rxf5+	Kd7	49			79		
20	h3	g6	50			80		
21	Rf7+	Kg8	51					
22	Rf8+	Ke7	52					
23	Rxd8	Rxd8	53					
24	Bd4+	Kf8	54					
25	Re1	ch	55					
26	Bxc5+	Kg7	56					
27	Bd4+	Kf8	57					
28	Re6	Kf7	58					
29	Rd6+	Kg8	59					
30	Rxd8	Kxd8	60					

签名 Signature:

白方 White 林敬軒	黑方 Black Robin
-----------------	-------------------

裁判 Arbiter
M



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018 轮次 Round: 7 台次 Board: 16
 白方 White 林敬 国籍 Federation 台湾 等级分 Rating 2
 黑方 Black Robin 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 1/2

组别 Group
U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	e4	Kf8	61		
2	Nf3	Nf6	32	e5	Bc	62		
3	Bf4	Bf5	33	Bd7	Kg8	63		
4	f3	Nc3	34	Bd6	Kf6	64		
5	e4	e6	35	f a4	g Ke5	65		
6	g3	e8	36	Ke5	Ke6	66		
7	Qe8	Nc8	37	Bc	g8	67		
8	Nd5	o-o	38	g5	Kd8	68		
9	o-o	Nd4	39	g6	Kc8	69		
10	Ne2	Ne2	40	g7	Kd7	70		
11	Be2	g6	41	g8.Q	Ke6	71		
12	Rd1	Nf9	42	Qd5	Kf6	72		
13	Nf9	fg	43	Qf5	Kg7	73		
14	Bd3	Rg8	44	Rh7	Kf6	74		
15	Bf5	Re8	45	1-0		75		
16	g3	Bce	46			76		
17	Rd7	Re2	47			77		
18	Rc1	Re8	48			78		
19	Rc5	Kg7	49			79		
20	g3	Bf6	50			80		
21	Rc7	Kb8	51					
22	Re8	Kb7	52					
23	Re8	Re8	53					
24	Bc4	Kc8	54					
25	Rd1	f5	55					
26	Bf5	Kb8	56					
27	Bc4	Kb8	57					
28	Rd6	Kc7	58					
29	Re6	Kd8	59					
30	Re8	Kc8	60					

签名 Signature:

白方 White <u>林敬</u>	黑方 Black <u>刘子翔</u>
裁判 Arbiter <u>W</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.06 轮次 Round: 7 台次 Board: 17 组别 Group: U8
 白方 White: 招亦凡 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 1
 黑方 Black: 孙智辰 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 1
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	d5	31			61		
2	c4	dc	32			62		
3	cd	cd	33			63		
4	Nf3	Nab	34			64		
5	Bab	Bab	35			65		
6	d3	Qa7	36			66		
7	O-o	Oxo	37			67		
8	Nc3	e5	38			68		
9	Ne5	Qe8	39			69		
10	Nf8	Be2	40			70		
11	Bg6	f6	41			71		
12	Be5	Qd7	42			72		
13	a4	Bd8	43			73		
14	Ne5	Re8	44			74		
15	Nd6	Qd6	45			75		
16	b4	Re f6	46			76		
17	Nd6	Nf7	47			77		
18	e4	h3	48			78		
19	f5	ed	49			79		
20	de	Re7	50			80		
21	Rg8		51					
22			52					
23			53					
24			54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:
 白方 White: 招亦凡
 黑方 Black: 孙智辰
 裁判 Arbiter: [Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.6.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 17
 白方 White 王嘉 国籍 Federation china 等级分 Rating 1
 黑方 Black 王嘉 国籍 Federation china 等级分 Rating 1

组别 Group
48

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	PE9	PE96	31			61		
2	PD4XED	PE3	32			62		
3	W4NFJ	W4H3	33			63		
4	PE3	QD7	34			64		
5	0-0	0-0-0	35			65		
6	NP3	DE4	36			66		
7	WFL	QD7	37			67		
8	C3	OD2	38			68		
9	0B5	TC2	39			69		
10	NE3	0D2	40			70		
11	WDA4	0D2	41			71		
12	WDA4	RE4	42			72		
13	NO6	QD2XN6	43			73		
14	WDA4	ND3	44			74		
15	PE3	W4H3	45			75		
16	PE3	W4H3	46			76		
17	PA3	PC4	47			77		
18	PE3	W4H3	48			78		
19			49			79		
20			50			80		
21			51					
22			52					
23			53					
24			54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	

